TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 12-3-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Mai Trương Huy
Ông Nguyễn Thế Phương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Trà, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 182/2018/TLST-HS ngày 21/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn T1; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1986 tại tỉnh Q; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Q; chỗ ở: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Thanh Q và bà Phạm Thị L; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/02/2018 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ (Có mặt).

2/ Hà Văn T2; sinh ngày 23 tháng 7 năm 1985 tại tỉnh H; Hộ khẩu thường trú: thôn N, xã V, huyện N, tỉnh H; chỗ ở: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hà Văn T2 và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo có vợ là Nguyễn Huyền S, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2017 đến ngày 09/02/2018 thì được bảo lĩnh tại ngoại, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

3/ Nguyễn C; sinh ngày 12 tháng 4 năm 1979 tại tỉnh B; Hộ khẩu thường trú và chổ ở: Khu phố O, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn L và bà Đoàn Thị L; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2017

đến ngày 09/02/2018 được bảo lĩnh tại ngoại, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

4/ Nguyễn Trí Đ; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1988 tại tỉnh H; Hộ khẩu thường trú: thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Trí H và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ là Thái Thị T, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2017 đến ngày 09/02/2018 được bảo lĩnh tại ngoại, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1*: Ông Trần Công N – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Trần Công N, đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có măt).

- *Bị hại*: Công ty TNHH thép T

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Chen T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Q- Chức vụ: Phó chủ nhiệm trung tâm an toàn môi trường (Văng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Công ty TNHH kết cấu công trình Q

Địa chỉ: Số AA, Đường B, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Vũ Thái T – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

- Ông Phạm Quang T3, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn C và Nguyễn Trí Đ có mối quan hệ là đồng nghiệp làm cùng Công ty TNHH thép T. Do thấy Công ty để số gang, sắt phế liệu gần bãi xỉ của công ty,việc quản lý sơ hở nên T1 rủ T2 và Đ cùng trộm cắp số gang, sắt phế liệu nói trên để chôn lấp, trộn lẫn với xỉ, sau đó mang ra ngoài rồi nhờ đối tượng tên T3 đem bán. Cả bọn đồng ý. Theo phân công thì nhiệm vụ của Đ là đào hố, chôn lấp, nhiệm vụ của T1 và T2 là lấy gang, sắt phế liệu chở lại bãi xỉ để Đức chôn lấp, nhiệm vụ của C là cuốc gang, sắt phế liệu trộm cắp được lên xe tải cùng với xỉ.Trước đó T1 có nhiệm vụ liên lạc với T3 để thống nhất thời gian vào lấy xỉ, còn nhiệm vụ của T3 chịu trách nhiệm liên hệ xe tải vào chở xỉ và chở gang, sắt phế liệu ra ngoài, sau đó các đối tượng cùng nhau đến nơi bán để cân và chia tiền. Để thực hiện theo kế hoạch thì đối tượng T3 đã liên hệ với Võ Thành T4 là nhân viên phụ trách thu mua và điều xe của Công ty cổ phần T, đang có hợp đồng vận chuyển, xử lý xỉ cho Công ty TNHH thép T. Khi gặp T4, T3 nói với T4 là: "có mối cần xỉ để san lấp mặt bằng. Một xe tải xỉ T3 trả cho T4 số tiền 2.000.000 đồng ". Nghe vậy, T4 đồng ý. Sau đó T4 gặp và nói với Phan Văn Tứ, là tài xế cùng công ty với T4 "là có mối chở xỉ san lấp ở

ngoài, mỗi chuyến họ trả 2.000.000 đồng, nếu Tứ chạy thì chia đôi T4 1 triệu, Tứ 1 triệu", Tứ đồng ý. Tuy nhiên sau đó Tứ thấy xe ô tô tải của mình nhỏ và yếu nên Tứ nói lại với Nguyễn T1 Tùng đi chở thay mình, mỗi chuyến chia nhau mỗi người 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), Tùng đồng ý.

Theo kế hoạch đã bàn bạc thì Lê Văn T1, Hà Văn T2 và Nguyễn Trí Đ vào Công ty TNHH thép T làm ca từ 20 giờ ngày 06/10/2017 đến 08 giờ sáng ngày 07/10/2017. Khi làm đến khoảng 03 giờ sáng ngày 07/10/2017, thấy vắng người nên Đức đi đào một cái hố tại bãi xỉ, sau đó điện thoại báo cho T1 và T2 biết việc mình đã đào hố xong. Nghe vậy, T1 đi kiểm tra và đứng cảnh giới cho T2 đi lấy xe xúc lật, xúc ba chuyến (mỗi chuyến 01 gàu) gang, sắt phế liệu rồi chạy đến đổ vào cái hố mà Đức đã đào sẵn trước đó. Lấy gang, sắt xong thì T2 báo cho Đức biết để Đức lấy xe cuốc, cuốc xỉ lấp lên trên nhằm che giấu để không bị phát hiện. Đến khoảng 7 giờ 30 phút sáng cùng ngày, khi hết ca làm của T1, Đức và T2 thì Đức điện thoại cho Nguyễn C biết và nói: sáng vào làm việc xúc xỉ đến chỗ Đức đã làm dấu, có bánh xe xích bò qua bò lại thì xúc lên xe tải rồi mai mốt gửi tiền cà phê sau, C đồng ý. Còn T1 điện thoại báo cho T3 biết là đã có hàng rồi, nói T3 cho tài xế và số xe để vào xúc hàng lên. Nghe điện thoại của T1 xong, T3 điện thoại cho T4 hỏi số xe và T4 nhắn tin số điện thoại của Tứ cho T3. T3 điện thoại cho Tứ thì Tứ điện thoại lại cho Tùng và được Tùng cho biết biển số xe của Tùng là 72C – 094.92 và thông báo xe đã vào trong Công ty TNHH thép T, Tứ báo lại cho T3 biết, sau đó T3 báo biển số xe cho T1 biết và T1 điện thoại cho C, báo cho C biết biển số xe của Tùng vào lấy hàng. Khi đã biết rõ xe của Tùng, C tiến hành xúc xỉ lên xe, khi xúc đến vị trí Đức làm dấu trước đó thì C xúc xỉ có lẫn gang, sắt phế liệu, xúc được 6 gàu gang, sắt phế liệu thì hết. C tiếp tục xúc thêm 05 gàu xỉ bỏ lên trên bề mặt để che giấu phần gang, sắt phế liệu. Thực hiện xong thì C bóp còi cho Tùng điều khiển xe đi mà không có bất kỳ trao đổi nào khác. Khi Tùng điều khiển xe ra cân trọng lượng thì bị bà Dương Thị Trang là nhân viên trạm cân của Công ty TNHH thép T phát hiện xe vượt quá tải trọng lượng so với tải trọng thường ngày nên yêu cầu Tùng điều khiển xe quay lại bãi xỉ để kiểm tra. Khi tiến hành đổ xỉ ra thì phát hiện trên xe tải có chở lẫn 18.360kg gang nguyên liệu và 540kg sắt thép phế liệu. Vụ việc sau đó đã được Công ty TNHH thép T trình báo đến cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 172/KL-HĐĐG-TTHS ngày 19/10/2017 của Hội đồng định giá huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) xác định: 18.360 kg gang nguyên liệu có giá trị là 157.896.000đ (một trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng) và 540 kg sắt thép phế liệu có giá trị 3.240.000đ (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà các đối tượng đã chiếm đoạt là 161.136.000đ (Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Quá trình điều tra, các bị can T1, Đức, T2 và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với nhau về thời gian, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và đặc điểm tài sản chiếm đoạt.

Đối với đối tượng tên T3, hiện cơ quan CSĐT công an huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thanh T6, có hành vi chở số gang, sắt phế liệu của nhóm T1 và đồng phạm trộm cắp, tuy nhiên quá trình điều tra T6 khai nhận không biết có số gang, sắt trên xe và nhóm T1 cũng không có sự trao đổi thông tin với T6, do vậy không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tùng về tội trộm cắp tài sản.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT công an huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) đã tiến hành thu giữ 01 xe ô tô tải BKS 72C – 094.92 cùng với 18.360kg gang và 540 kg sắt phế liệu để tiến hành điều tra. Ngày 21/3/2018, cơ quan CSĐT công an huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) đã trả lại số gang, sắt phế liệu nói trên cho đại diện Công ty TNHH thép T theo Quyết định xử lý vật chứng số 29/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH ngày 21/3/2018.

Đối với 01 xe ô tô tải BKS 72C – 094.92, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH kết cấu công trình Q. Công ty Quang Minh có ký hợp đồng vận chuyển với Công ty Thành Đại Phú Mỹ. Ngày 07/10/2017, Công ty Thành Đại Phú Mỹ cho điều xe ô tô tải nói trên vào chở xỉ tại Công ty TNHH thép T, Công ty TNHH kết cấu công trình Q không biết có sự việc trộm cắp tài sản nên ngày 21/3/2018, cơ quan CSĐT công an huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) đã tiến hành trả lại 01 xe ô tô tải BKS 72C – 094.92 cho Công ty TNHH kết cấu công trình Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 29/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH ngày 21/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH thép T và Công ty TNHH kết cấu công trình Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT - VKS ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn C và Nguyễn Trí Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn C và Nguyễn Trí Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm h, s Điều 51; Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm h, s Điều 51; Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T2, Nguyễn Trí Đ, Nguyễn C mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH thép T và Công ty TNHH kết cấu công trình Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Các bị cáo Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn Trí Đ và Nguyễn C không tranh luận về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vị luật sư bào chữa cho bị cáo T1 thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đối với bị cáo T1. Đồng thời xét thấy giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội nên không thuộc trường hợp "Phạm tội có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt", Bị cáo T1 thành khẩn khai báo, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị áp dụng điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T1 với mức án từ 24 tháng từ đến 26 tháng tù.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tranh luận với luật sư bào chữa cho bị cáo T1, xét thấy giữa các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội nên vẫn giữ nguyên quan điểm các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội có tổ chức" và vẫn giữ nguyên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn Trí Đ, Nguyễn C: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/10/2017 tại Công ty TNHH thép T các bị cáo Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn Trí Đ, Nguyễn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 18.360kg gang nguyên liệu và 540kg sắt phế liệu của Công ty TNHH thép T với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 161.136.000 đ *(Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn đồng).*

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn T1, Hà Văn T2, Nguyễn Trí Đ, Nguyễn C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]Về khung hình phạt:

Các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 161.136.000 đồng nên thuộc trường hợp "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo

quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đồng thời giữa các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp *"Phạm tội có tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với vai trò của ông Phạm Quang T3 trong vụ án:

Tại các biên bản lấy lời khai, đối chất và nhận dạng tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều xác định người đàn ông tên T3 khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội không phải là ông Phạm Quang T3 mà là một người khác, không rõ nhân thân lai lịch và hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được về người này. Do đó không có căn cứ pháp lý để cho rằng ông Phạm Quang T3 (Công ty T) có liên quan đến việc phạm tội.

[5] Đối với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng các bị cáo phạm tội chưa đạt do tài sản các bị cáo chiếm đoạt chưa bị đưa ra khỏi khuôn viên của Công ty TNHH thép T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua việc kiểm tra đánh giá chứng cứ tại phiên tòa cũng như những phân tích, nhận định về hành vi phạm tội của các bị cáo ở trên. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Các bị cáo đã thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu, việc các bị cáo không đưa tài sản ra khỏi khuôn viên của Công ty TNHH thép T là do bị bảo vệ Công ty phát hiện, nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, không có căn cứ để cho rằng các bị cáo "Phạm tội chưa đạt" như nhận định của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vì vậy, bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên như phân tích ở trên, việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ cho rằng các bị cáo phạm tội nhưng thuộc trường hợp "Phạm tội chưa đạt" là không phù hợp quy định của pháp luật về phạm tội chưa đạt.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

[6.1] Đối với bị cáo Lê Văn T1: Trong vụ án này bị cáo có vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lí nghiêm nhưng vì tham lam nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt tù cao hơn các bị cáo còn lại mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

[6.2] Đối với bị cáo Nguyễn Trí Đ: Khi được bị cáo T1 rủ trộm cắp tài sản thì bị cáo đồng ý và rủ bị cáo T2, Đức cùng thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự phân công của bị cáo T1. Do đó đối với bị cáo cần

phải có mức hình phạt tù cao hơn bị cáo T2 và C thì mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

[6.3] Đối với bị cáo Hà Văn T2, Nguyễn C: Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành, giúp sức tích cực cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt đủ nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1]Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7.2]Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[9] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T1, Nguyễn Trí Đ, Hà Văn T2, Nguyễn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T1, Nguyễn Trí Đ, Hà Văn T2, Nguyễn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/02/2018.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn T2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn T1, Nguyễn Trí Đ, Hà Văn T2, Nguyễn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Xuân Thường

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Phòng PV 06, CA tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.